

Số: /BC-SNN

Lai Châu, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022

Thực hiện văn bản số 3956/BNN-KH ngày 25/6/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xây dựng kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn năm 2022.

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Sở Nông nghiệp & PTNT Lai Châu xây dựng kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn năm 2022 cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC CẢ NĂM 2021

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu kế hoạch phát triển kinh tế 6 tháng đầu năm 2021

1.1. Kết quả đạt được

a) Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

Tổng sản lượng lương thực có hạt ước đạt 44.460 tấn, đạt 20% KH.

- Lúa đông xuân: Diện tích gieo cấy 6.782 ha, đạt 100,1%, năng suất ước đạt 55,6 tạ/ha, tăng 1,0 tạ/ha so với KH, tăng 5,8 tạ/ha so với cùng kỳ năm trước; sản lượng ước đạt 37.680 tấn, tăng 3.780 tấn so cùng kỳ năm trước đạt 102% KH. Vụ Đông xuân 2020-2021 đã triển khai được 1.582 ha lúa hàng hóa tập trung sử dụng một giống lúa chất lượng như: J02, Sóng cù, PC6, Hương thơm số1, Nếp 97,... tăng 170 ha so với cùng kỳ năm trước, năng suất ước đạt 55 tạ/ha, sản lượng ước đạt 8.700 tấn.

- Lúa mùa: Diện tích gieo cấy ước đạt 17.800 ha (đạt 78,3% KH), tương đương cùng kỳ năm trước.

- Lúa nương: Ước thực hiện 2.427 ha, đạt 97,5% KH.

- Cây ngô: Diện tích đã gieo trồng 17.193 ha, đạt 86,1% KH; Hết tháng 6 thu hoạch 2.073 ha, năng suất ước đạt 36,4 tạ/ha, sản lượng ước đạt 7.545 tấn, tăng 545 tấn so với cùng kỳ năm trước.

- Cây chè: Tổng diện tích chè trên địa bàn tỉnh ước đạt 7.902 ha, diện tích chè kinh doanh 5.970 ha; sản lượng chè búp tươi ước đạt 21.000 tấn, đạt 47,7%

KH, tăng 4.000 tấn so với cùng kỳ năm trước. Ước thực hiện 6 tháng đầu năm thực hiện trồng mới được 100 ha.

- Cây ăn quả: Diện tích cây ăn quả hiện có 8.125 ha, 6 tháng đầu năm sản lượng cây ăn quả ước đạt 23.000 tấn. Đồng thời đã trồng mới được 58,7 ha.

- Các cây trồng khác: Cây lạc: Diện tích 1.068 ha, năng suất 11,73 tạ/ha, sản lượng ước đạt 1.253 tấn; Cây đậu tương: diện tích 817ha, năng suất 10,7 tạ/ha, sản lượng ước đạt 875 tấn; Cây rau màu: Diện tích ước đạt 1.062 ha, sản lượng 7.430 tấn.

b) Công tác chăn nuôi, thú y, thủy sản

*** Công tác phát triển chăn nuôi**

Công tác chăn nuôi mặc dù đã được ngành và các huyện, thành phố sát sao hướng dẫn, chỉ đạo tái đàn, nhưng do xuất hiện dịch bệnh viêm da nổi cục trên địa bàn 3 huyện (Nậm Nhùn, Than Uyên và Tân Uyên) và bệnh dịch tả lợn Châu Phi tái phát trên địa bàn huyện Tam Đường nên tốc độ tái đàn còn chậm.

Tổng đàn gia súc ước đạt 307.930 con (đạt 96,4% KH); trong đó: Đàn trâu 93.210 con, đàn bò 21.420 con, đàn lợn 193.300 con. ; tốc độ tăng trưởng đàn gia súc đạt 1,01%; Tổng đàn gia cầm ước đạt 1.561 nghìn con (đạt 97,1% KH). Các loại gia súc khác: Ngựa 4.960 con, dê 37.215 con. Lũy kế sản lượng thịt hơi các loại ước đạt 7,8 nghìn tấn (đạt 56,5% KH); trong đó thịt lợn 5,5 nghìn tấn.

Toàn tỉnh có 10 trang trại chăn nuôi (đạt tiêu chí theo Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT); 07 HTX hoạt động chăn nuôi. Diện tích cỏ trồng toàn tỉnh hiện có 792,16 ha.

*** Công tác nuôi trồng thủy sản**

Đến nay, diện tích nước mặt hồ ước đạt 16.630,13 ha; diện tích ao nuôi trồng thủy sản đạt 969 ha, đạt 100,31% KH; Thể tích nuôi cá nước lạnh đạt 18.590 m³, đạt 118,57 KH%; Thể tích nuôi cá lồng ước đạt 134.082 m³.

Sản lượng nuôi trồng và khai thác 06 tháng đầu năm ước đạt 1.147 tấn/3.200 tấn KH được giao đạt 35,8%. Trong đó: Sản lượng nuôi cá ao, lồng: 923 tấn; Sản lượng nuôi cá nước lạnh 98 tấn; Khai thác thủy sản: 126 tấn.

c) Công tác phát triển Lâm nghiệp

Công tác trồng mới rừng tiếp tục được các đơn vị và các huyện, thành phố chỉ đạo sát sao, việc bảo vệ rừng được triển khai liên tục, đúng pháp luật, việc chi trả dịch vụ môi trường rừng đúng định mức, góp phần nâng cao tỷ lệ che phủ rừng lên 50,89% và tăng thu nhập của người dân.

- Thường xuyên đôn đốc các huyện, các Ban Quản lý Rừng phòng hộ huyện chuẩn bị tốt mọi điều kiện cần thiết cho công tác trồng rừng mới năm 2021. Đã tiến hành phát dọn thực bì 1.339 ha, trong đó: trồng rừng phòng hộ 175 ha; trồng rừng sản xuất 1.164 ha (Quế 981 ha, cây gỗ lớn 183 ha); Cước hố 694 ha trong đó: trồng

rừng phòng hộ 15 ha; trồng rừng sản xuất 679 ha (Quế 593 ha, cây gỗ lớn 86 ha). Tổng số cây giống đã chuẩn bị là 3.899.060 cây gồm: Quế 2.304.600 cây, Thông mã vĩ 475.200 cây; Sơn tra 341.900 cây; Mắc ca: 548.660 cây; Giổi: 55.000 cây; Lát hoa: 72.000 cây, Tẻch: 26.000 cây; Sấu: 5.000 cây; Mỡ: 40.700 cây, Keo tai tượng: 30.000 cây. Cơ quan chuyên môn các huyện đang tiếp tục hợp đồng với đơn vị cung ứng để cung ứng đủ số lượng cây giống phục vụ kế hoạch trồng rừng năm 2020. Trồng rừng mới ước đạt 735 ha (đạt 44,55 % kế hoạch giao), nhanh hơn so với cùng kỳ năm trước 05 ha.

- Riêng cây mắc ca đến nay trên địa bàn tỉnh đã có 3.837 ha. Công tác trồng mới được các doanh nghiệp khẩn trương thực hiện với diện tích được cuộc hồ 628 ha và chuẩn bị được 548.660 cây giống. Hiện các diện tích đã trồng qua các năm đang sinh trưởng phát triển tốt, một số diện tích hiện đang thời kỳ ra hoa.

d) Công tác phát triển nông thôn

*** Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:**

- Công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình ở cơ sở được tăng cường, Ban Chỉ đạo tỉnh thường xuyên tổ chức các cuộc kiểm tra, đôn đốc các huyện, thành phố về công tác duy trì và nâng cao các tiêu chí ở các xã đã đạt chuẩn và tình hình triển khai thực hiện kế hoạch năm 2021 qua đó tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở.

- Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới: Bình quân tiêu chí toàn tỉnh ước đạt 15,3 tiêu chí/xã; Số xã đạt 19 tiêu chí 39 xã; Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí 11 xã; Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí 43 xã; Số xã đạt từ 5-9 tiêu chí 1 xã (Nậm Pì).

- Công tác phân bổ vốn: Hỗ trợ các huyện Hoàn thành chương trình NTM và phấn đấu trở thành huyện đạt chuẩn NTM đến năm 2025 là 20 tỷ đồng (hiện các huyện đang làm thủ tục phân bổ vốn); Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-H ĐND về xây dựng nông thôn mới gắn với du lịch nông thôn tại một số bản là 7,7 tỷ đồng (đang triển khai thực hiện); Hỗ trợ đầu tư cho 04 xã dự kiến đạt chuẩn NTM là 2.6 tỷ đồng (đang triển khai thực hiện).

*** Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn**

Thường xuyên chỉ đạo đơn vị chuyên môn thực hiện rà soát hiện trạng các công trình nước sinh hoạt vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh để trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch bảo dưỡng, tu sửa các công trình hoạt động kém, các công trình không hoạt động và xây dựng mới các công trình tại các điểm dân cư, thôn bản, đặc biệt tại các điểm khó khăn.

Hiện toàn tỉnh có 804 công trình; Số công trình đang hoạt động là 692 chiếm 86,07% cấp nước cho 52.742 hộ dân với 259.390 nhân khẩu, chiếm 71,0% dân số nông thôn, trong đó: Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh ước đạt 86,0%; Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh ước đạt 81,8%.

*** Kinh tế hợp tác**

Đến nay, toàn tỉnh có 132 HTX nông nghiệp, trong đó dừng hoạt động 26 HTX, đang hoạt động 106 HTX; thu hút 963 thành viên, giải quyết việc làm cho 1.051 lao động và 150 THT hoạt động lĩnh vực nông nghiệp, thu hút 1.200 thành viên tham gia; 38 trang trại (tăng 23 trang trại so cùng kỳ năm 2020) trong đó tạm dừng hoạt động 01 trang trại, đang hoạt động 37 trang trại (gồm 9 trang trại trồng trọt; 13 trang trại chăn nuôi; 2 trang trại lâm nghiệp; 13 trang trại tổng hợp); tổng diện tích trong trang trại 459 ha, giải quyết việc làm thường xuyên cho 223 lao động.

1.2. Hạn chế và nguyên nhân

1. Những hạn chế, yếu kém

- Sản xuất nông nghiệp phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Ở vùng sâu, vùng xa sản xuất nông nghiệp vẫn mang tính tự cung, tự cấp, trình độ canh tác lạc hậu.

- Hiệu quả sử dụng đất, năng suất lao động thấp; mô hình tăng trưởng nông nghiệp chủ yếu theo chiều rộng, thông qua tăng vụ, tăng diện tích dựa trên các nguồn lực tự nhiên nên mới tạo ra được sản lượng nhưng giá trị thấp; thu nhập bình quân đầu người ở khu vực nông thôn còn thấp; việc thu hút được doanh nghiệp đầu tư vào phát triển nông nghiệp còn ít...

- Chưa hình thành được sản phẩm hàng hóa nông nghiệp có giá trị và thương hiệu trên thị trường trong nước và quốc tế, khả năng cạnh tranh của các mặt hàng nông sản còn thấp; phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung chuyên canh còn chậm.

- Quá trình chuyển đổi quy mô, hình thức chăn nuôi từ nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi tập trung quy mô vừa và nhỏ diễn ra chậm, chăn nuôi vẫn chủ yếu theo hình thức chăn nuôi nông hộ, tự cung, tự cấp. Chưa hình thành được vùng chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung, hình thành được chuỗi liên kết trong sản xuất chăn nuôi, thủy sản. Việc khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh để phát triển chăn nuôi, thủy sản còn nhiều hạn chế, người dân còn chưa chủ động áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, đưa các giống mới vào sản xuất, hiệu quả kinh tế chưa cao.

- Việc nuôi cá lồng trên các lồng hồ thủy điện, nuôi cá nước lạnh đòi hỏi chi phí đầu tư ban đầu lớn, con giống, nguồn nước, đầu ra tiêu thụ sản phẩm chưa chủ động..., vì vậy việc thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân vào nuôi còn hạn chế.

- Số lượng HTX ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất còn ít. Chất lượng sản phẩm chưa cao, thị trường tiêu thụ sản phẩm khó khăn. Việc liên doanh, liên kết sản xuất kinh doanh giữa HTX, trang trại với thành phần kinh tế khác còn hạn chế.

- Việc duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới tại các xã đạt chuẩn còn hạn chế, đặc biệt đối với các tiêu chí về thu nhập, tỷ lệ hộ nghèo, môi trường. Việc áp dụng cơ chế đặc thù trong xây dựng nông thôn mới còn khó khăn, lúng túng.

2. Nguyên nhân hạn chế, yếu kém

- Là tỉnh miền núi địa hình phức tạp, diện tích rộng, dân cư sống không tập trung, trình độ dân trí thấp, tập quán sản xuất còn nhiều lạc hậu, đời sống của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Điều kiện khí hậu thời tiết diễn biến phức tạp: rét đậm, rét hại, sạt lở, lũ quét gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất đầu tư chưa được đồng bộ; nguồn vốn hỗ trợ, đầu tư cho sản xuất nông lâm nghiệp còn thấp, suất đầu tư cao khó thu hút các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất...

- Trong quá trình sản xuất còn gặp nhiều nguy cơ rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế và sản xuất của nhân dân.

- Do thiếu nguồn lực và hiện nay tỉnh chưa có cơ chế hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại nên nội lực của các thành phần kinh tế còn yếu, số lượng các HTX chưa nhiều.

- Một số bộ phận nông dân còn mang nặng tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, ý thức tự vươn lên phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo còn hạn chế.

- Việc giám sát chất lượng con giống, dịch bệnh còn hạn chế, tiềm ẩn nguy cơ con giống kém chất lượng, nguy cơ cao xảy ra dịch bệnh.

- Thu nhập chính của đại bộ phận người dân đều từ sản xuất nông nghiệp, tốc độ tăng thu nhập không cao. Một số cơ chế, chính sách, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương về Nông thôn mới ban hành chậm và thiếu đồng bộ nên địa phương gặp nhiều khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

II. ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH NĂM 2022

Năm 2022 là năm bản lề trong thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của tỉnh. Để hoàn thành các mục tiêu được giao, ngành nông nghiệp xác định các mục tiêu và giải pháp thực hiện chủ yếu sau:

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung, phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, sinh thái. Quản lý bảo vệ và phát triển rừng bền vững về diện tích và chất lượng, bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao tỷ lệ che

phủ rừng, giá trị dịch vụ môi trường rừng. Phát triển mạnh các hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác, trang trại. Xây dựng nông thôn mới bền vững với cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn hiện đại, đồng bộ; thu nhập cho người dân ở khu vực nông thôn được nâng cao.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2022

- (1) Tổng sản lượng lương thực đạt 223,5 nghìn tấn.
- (2) Chè trồng mới 550 ha.
- (3) Trồng mới cây ăn quả: 670 ha.
- (4) Tốc độ tăng đàn gia súc 5%.
- (5) Tổng sản lượng thủy sản đạt 3.350 tấn.
- (6) Trồng mới rừng 2.900 ha; Độ che phủ rừng 51,7%.
- (7) Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước HVS: 88,5%.
- (8) Xây dựng nông thôn mới: Tiêu chí bình quân đạt 16,3 tiêu chí/xã.

3. Nhiệm vụ, định hướng

3.1. Trồng trọt

a) Đảm bảo an ninh lương thực

Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 223,5 nghìn tấn.

- Tổng diện tích lúa cả năm 31.388 ha, năng suất 47,9 tạ/ha, sản lượng 150.300 tấn trong đó:

+ Lúa đông xuân: 6.756 ha, năng suất 55,1 tạ/ha, sản lượng 37.200 tấn.

+ Lúa mùa: 22.502 ha, năng suất 49,1 tạ/ha, sản lượng 110.450 tấn.

+ Lúa nương: 2.130 ha, năng suất 12,4 tạ/ha, sản lượng 2.650 tấn.

- Diện tích ngô cả năm 19.482 ha, năng suất 37,6 tạ/ha, sản lượng 72.200 tấn, trong đó:

+ Ngô xuân hè 16.449 ha, năng suất 37,8 tạ/ha, sản lượng 62.100 tấn.

+ Ngô thu đông 3.033 ha, năng suất 36,6 tạ/ha, sản lượng 11.100 tấn.

b) Cây công nghiệp và cây ăn quả

- Cây chè: Tổng diện tích chè: 9.032 ha, trồng mới 550 ha, diện tích chè kinh doanh 7.062 ha, sản lượng chè búp tươi 48.000 tấn.

- Cây cao su: Duy trì tổng diện tích cao su 12.986 ha, diện tích đưa vào khai thác mủ cao su 10.000 ha, sản lượng 11.000 tấn mủ khô.

- Cây ăn quả: 9.077 ha, trồng mới 670 ha, sản lượng 60.000 tấn.

3.2. Phát triển chăn nuôi, thủy sản

- Phát triển chăn nuôi: Tốc độ tăng đàn gia súc đạt 5%, tổng đàn gia súc 336.100 con (trâu 96.530 con, bò 20.700 con, lợn 218.870 con); Tổng đàn gia

cầm 1.680 nghìn con; Tổng sản lượng thịt hơi các loại 14,8 nghìn tấn (thịt lợn 10,7 tấn).

- Phát triển thủy sản: Tổng diện tích nuôi trồng đạt 976 ha; Tổng sản lượng thủy sản đạt 3.350 tấn, trong đó: Sản lượng nuôi trồng thủy sản 2.930 tấn; sản lượng khai thác ước đạt 250 tấn; nuôi các nước lạnh ước đạt 170 tấn. Duy trì tổng số cơ sở nuôi cá nước lạnh 10 cơ sở nuôi kiên cố và 19 cơ sở tạm, tổng thể tích đưa vào nuôi 18.590 m³.

3.3. Phát triển Lâm nghiệp

- Tỷ lệ độ che phủ rừng ước đạt 51,7%;
- Trồng rừng mới 2.900 ha, trong đó: Rừng sản xuất 2.700 ha (quế 1.000 ha, gỗ lớn rừng phòng hộ 1.700 ha); Rừng phòng hộ 200 ha.
- Khoán bảo vệ rừng 444.597 ha.

3.4. Xây dựng nông thôn mới; Nước sạch VSMT

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Bình quân tiêu chí trên xã: 16,3 tiêu chí/xã.
- Chỉ tiêu về dân số nông thôn sử dụng nước HVS: Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 88,5%; Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 85%.

4. Một số giải pháp chủ yếu

4.1. Trồng trọt

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, đẩy mạnh thâm canh, ứng dụng công nghệ, phát triển các mô hình sản xuất hữu cơ, sản xuất sạch, nâng cao chất lượng sản phẩm, tập trung vào các loại cây trồng chủ lực của tỉnh đã được xác định để hướng đến xuất khẩu và đẩy mạnh tiêu thụ tại các thị trường ngoài tỉnh góp phần nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, thân thiện với môi trường.

a) Các chỉ tiêu về cây lương thực

- Tập trung chỉ đạo một số giống lúa thuần chất lượng cao để đẩy mạnh cơ cấu theo hướng tăng giá trị sản phẩm trên đơn vị diện tích đất canh tác. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt các cánh đồng tập trung sử dụng 1-2 giống lúa thuần; đẩy mạnh mối liên kết tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp và người dân.
- Thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết, để điều chỉnh kế hoạch sản xuất (thời vụ gieo trồng, cơ cấu và diện tích cây trồng), đảm bảo hạn chế tối đa thiệt hại do diễn biến bất thường của thời tiết. Thực hiện đầu tư thâm canh, tăng vụ lúa, ngô ở các vùng có điều kiện.
- Tăng cường dự tính, dự báo và phòng trừ sâu bệnh kịp thời, không để sâu bệnh phát sinh thành dịch, gây hại trên diện rộng.

- Tăng cường đưa cơ giới vào sản xuất tại những vùng có điều kiện nhằm tăng vụ lúa, tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm. Phát triển giao thông nội đồng gắn với cải tạo đồng ruộng, hình thành các cánh đồng tập trung.

- Tăng cường công tác quản nhà nước về lĩnh vực giống cây trồng, thuốc BVTV trên địa bàn toàn tỉnh, nhất là các chương trình, dự án hỗ trợ sản xuất nông nghiệp.

- Thường xuyên tuyên truyền các chính sách hỗ trợ về sản xuất nông nghiệp của tỉnh để người dân biết được và tham gia.

b) Các chỉ tiêu về cây công nghiệp

- Cây chè: Tập trung chỉ đạo đầu tư thâm canh, chăm sóc, diện tích chè đã trồng nhằm tăng năng suất, sản lượng; tăng cường kiểm tra chất lượng giống chè để phục vụ cho trồng chè mới năm 2022; thực hiện tốt quản lý vùng nguyên liệu chè tập trung, tăng cường mối liên kết giữa: Nhà nước - Doanh nghiệp - Nông dân trong sản xuất chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị gia tăng.

- Cây cao su: Tập trung chăm sóc diện tích cây cao su đã trồng, tiến hành khai thác mủ cao su đối với diện tích cho khai thác.

4.2. Chăn nuôi, thủy sản

Phát triển chăn nuôi theo quy mô tập trung, nhất là chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò), khắc phục những khó khăn trong chăn nuôi lợn, mở rộng quy mô nuôi trồng thủy sản lồng hồ và nuôi cá nước lạnh với các loại cá có giá trị kinh tế cao.

a) Chăn nuôi:

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, bảo đảm an toàn vệ sinh thú y, an toàn vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng trên địa bàn toàn tỉnh.

- Tập trung chăn nuôi đại gia súc, kết hợp trồng cỏ tại những nơi có điều kiện, thông qua các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, thúc đẩy chuyển đổi phương thức chăn nuôi từ tự phát nhỏ lẻ, thả rông sang chăn nuôi có kiểm soát. Chủ động trong công tác phòng chống rét cho gia súc trong mùa đông, làm chuồng trại, dự trữ thức ăn.

- Hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra công tác phòng, chống dịch bệnh động vật của UBND các huyện, thành phố. Xử lý tốt dịch bệnh trong diện hẹp, không để dịch bệnh phát sinh, lây lan trên diện rộng.

b) Thủy sản:

Khai thác hiệu quả diện tích mặt nước hiện có, thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đánh bắt, khai thác thủy sản trên các hồ. Khuyến cáo rộng rãi cho nhân dân mở rộng những mô hình thủy sản đã thực hiện có hiệu quả để đưa vào nuôi trồng đại trà. Vận động nhân dân cải tạo, nạo vét ao chuồng, tu sửa diện tích ao bị thiệt hại, hư hỏng do thiên tai trong năm trước để đưa vào sản xuất.

4.3. Các chỉ tiêu về lâm nghiệp

Tập trung bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, tăng cường khoanh nuôi tái sinh, trồng mới rừng. Thực hiện hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Nâng cao năng lực phòng chống, cháy rừng, đầu tư cải tạo kết cấu hạ tầng phục vụ nâng cao năng lực, chất lượng công tác bảo vệ và phát triển rừng.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực giống cây lâm nghiệp khi đưa vào thực hiện trồng rừng năm 2022.

- Bảo vệ diện tích rừng hiện có gắn với dịch vụ môi trường rừng. Thực hiện công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng kịp thời, hiệu quả, đúng đối tượng, đúng quy định.

- Đôn đốc, chỉ đạo các Ban quản lý rừng phòng hộ chủ động chuẩn bị vật tư, lựa chọn các loại giống (quế, cây gỗ lớn) có chất lượng để phục vụ đủ nhu cầu trồng rừng năm 2022 đạt hiệu quả đúng thời vụ.

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền bằng nhiều hình thức và nội dung thiết thực nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm thực hiện các quy định của Luật Bảo vệ, phát triển rừng và PCCCR trong cộng đồng dân cư.

4.4. Các chỉ tiêu về nước sinh hoạt VSMT nông thôn

Thực hiện tốt công tác quản lý đầu tư các công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, từng bước xã hội hoá việc đầu tư phát triển và quản lý khai thác sử dụng các công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn nông thôn. Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước kết hợp với nguồn vốn của địa phương, vốn góp của dân đầu tư các công trình cấp nước sạch nông thôn, theo hình thức tập trung hiện đại hoá, do dân quản lý khai thác.

- Rà soát, đánh giá hiện trạng các công trình nước sinh hoạt hiện có. Tham mưu xây dựng kế hoạch đầu tư tập trung sửa các công trình đã xuống cấp và chỉ đầu tư xây dựng mới ở những địa bàn thực sự cần thiết.

- Phối hợp với UBND các huyện, Thành phố trong công tác quản lý sau đầu tư thực hiện các giải pháp nhằm từng bước khôi phục các công trình hoạt động kém hiệu quả, công trình không hoạt động.

4.5. Các chỉ tiêu về nông thôn mới

Thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, huy động các nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng - xã hội vùng nông thôn, tập trung xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển kinh tế du lịch, mỗi xã một sản phẩm,... Tiếp tục củng cố nâng cao các tiêu chí tại các xã đã đạt chuẩn; không ngừng cải thiện cuộc sống người dân nông thôn.

- Tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng các tiêu chí đối với các xã đã đạt chuẩn; tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới.

- Huy động tổng hợp, xã hội hóa nguồn lực, ưu tiên ngân sách để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tạo điều kiện tối đa cho nông dân phát triển kinh tế, có tích lũy để tái sản xuất mở rộng và đầu tư

phát triển; chủ động phát huy hiệu quả nguồn lực tại chỗ; khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, phát huy vai trò quản lý của các cấp chính quyền về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, phát huy sức mạnh các đoàn thể chính trị xã hội ở nông thôn.

(Chi tiết có phụ biểu kèm theo)

Trên đây là Báo cáo xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 của Sở Nông nghiệp & PTNT Lai Châu./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Ban lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, KH-TC.

GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Châu